

UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ Y TẾ
Số: 0406 /QĐ-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Tây Ninh, ngày 16 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách
quý I năm 2025 của Văn phòng Sở Y tế

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý I năm 2025 của Văn phòng Sở Y tế (Chi tiết theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng và Trưởng các phòng chuyên môn tổ chức thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính (b/c);
- BGĐ Sở;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, PTKT.

GIÁM ĐỐC



Đỗ Hồng Sơn

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH QUÝ I/2025

(Kèm theo Quyết định số

QĐ/SYT ngày

/04/2025 của Văn phòng Sở Y tế Tây Ninh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	700	128	18,29%	84,77%
I	Số thu phí, lệ phí	700	128	18,29%	84,77%
1	Lệ phí				
2	Phí	700	128	18,29%	84,77%
	Phí trong lĩnh vực y tế	700	128	18,29%	84,77%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
2	Chi quản lý hành chính				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	700	128	18,29%	84,77%
1	Lệ phí				
2	Phí	700	128	18,29%	84,77%
	Phí trong lĩnh vực y tế	700	128	18,29%	84,77%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	69.258	2.254	3,21%	93,12%
1	Chi quản lý hành chính	10.146	2.047	20,09%	142,95%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.248	1.982	24,03%	157,30%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.898	65	3,42%	27,91%
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	15.000	0	12,18%	0,00%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	15.000	0	0,00%	0,00%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	44.082	177	0,40%	141,60%
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	44.082	177	0,40%	141,60%
5	Chi bảo đảm xã hội	29,6	29,6	100,00%	111,28%
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	29,6	29,6	100,00%	111,28%
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Đã